

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2019/HSST

Ngày: 27/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm

Ông Đỗ Minh Thân

- **Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị L (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 20/4/1954 tại xã Đ, huyện TT, tỉnh PT; Nơi cư trú: Khu 2 xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D (đã chết) và bà Trần Thị A (đã chết); có chồng Nguyễn Văn B, sinh năm 1956; Con: Có 04 con, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện TT, tỉnh PT (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L: Bà Hà Thị Lan H – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT (Có mặt).

2. Họ và tên: Khuất Thị Thanh N (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 22/9/1982 tại xã Đ, huyện TT, tỉnh PT; Nơi cư trú: Khu 6 xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Văn Đ1 và bà Phạm Thị H1; có chồng Lã Thái B, sinh năm 1973; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện TT, tỉnh PT (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quyết Thị H, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1 xã Đ, huyện TT, tỉnh PT

2. Lê Thị Hoa L1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3 xã Đ, huyện TT, tỉnh PT.

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5 xã Đ, huyện TT, tỉnh PT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị L không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ ghi xổ số, lô tô Nhà nước. Do muốn có thêm thu nhập nên khoảng đầu tháng 3/2019, L đã nhận làm thư ký ghi “lô, đề” cho Khuất Thị Thanh N, sinh năm 1982, ở khu 6, xã Đ, huyện TT để nhận được tiền chênh lệch và hoa hồng từ việc bán số lô, số đề. Hàng ngày, L đứng ra bán các số lô, số đề cho những người có nhu cầu mua theo hai hình thức, một là khách sẽ trực tiếp đến mua tại nhà của L ở khu 2, xã Đ, huyện TT, hai là khách sẽ gọi đến số điện thoại 0982.931.954 của L để đọc cho L các số lô, số đề cần mua, L sẽ ghi âm các cuộc gọi này để làm cơ sở so sánh khi đã có kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc. Cách thức chơi được L và những người chơi thỏa thuận như sau:

Loan và những người mua số lô, số đề sẽ căn cứ vào kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trong ngày để làm cơ sở xác định thắng thua. Số tiền thắng thua sẽ được L và người mua thanh toán vào ngày hôm sau, sau khi đã có kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc của ngày hôm trước. Về số đề, người chơi có thể mua của L một hoặc nhiều số có 2 chữ số từ 00 đến 99 với số tiền tùy ý cho mỗi số. Các số này sau đó sẽ được đem ra so sánh với 2 chữ số cuối giải đặc biệt của kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trong ngày hôm đó. Nếu số đề người chơi đã mua trùng với 2 chữ số cuối của giải đặc biệt thì người chơi đó là người thắng cuộc và L phải trả cho người đó số tiền bằng 70 lần số tiền họ đã bỏ ra để mua số đề trúng thưởng. Ngược lại, nếu số đề người chơi đã mua không trùng với 2 chữ số cuối của giải đặc biệt thì người đó sẽ là người thua cuộc và phải mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua số đề đó cho Loan. Trong số đề có quy ước bóng: 0 bóng 5; 1 bóng 6; 2 bóng 7; 3 bóng 8; 4 bóng 9. Ngoài cách chọn từng số riêng lẻ để mua, người chơi có thể mua các số theo bộ: Dây, tổng, đầu, đuôi, kép, vương. Bộ “dây” là 1 bộ gồm 08 số trong các cặp bóng. Ví dụ: Dây 01 bao gồm 08 số trong bộ 0 bóng 5; 1 bóng 6 là 01; 10; 06; 60; 15; 51; 56; 65. Bộ “tổng” gồm các số khi cộng hai chữ số của số đó lại thì ra số tổng người chơi đã chọn hoặc chữ số cuối của tổng hai chữ số là số tổng người chơi đã chọn. Ví dụ: Tổng 1 gồm các số: 01; 10; 29; 92; 38; 83; 47; 74; 56; 65. Bộ “đầu” bao gồm tất cả các số có chữ số đầu trùng với số người chơi đã chọn. Ví dụ: Đầu 0 gồm các số: 00; 01; 02; 03... đến 09. Bộ “đuôi” gồm tất cả các số đề có chữ số thứ 2 trùng với số đuôi người chơi đã chọn. Ví dụ: Đuôi 9 gồm các số: 09; 19; 29...99. Bộ “kép” gồm có kép lệch và kép bằng. Kép bằng gồm 10 số có hai chữ số giống nhau: từ 00 đến 99. Kép lệch gồm số có hai chữ số là bóng của nhau ví dụ: 05; 50; 16; 61... Bộ “vương” là bộ gồm các số đề mà trong mỗi số đề sẽ có một hoặc hai số tự nhiên trùng với số khách mua, ví dụ vương 1 gồm các số đề: 01, 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19.... Ngoài việc dùng hai số cuối của giải đặc biệt thì những người mua còn có thể chọn hai số đầu của giải đặc biệt để xác định thắng thua, về cách đánh và các bộ số đề cũng tương tự như đối với hai số cuối.

Về số lô, tương tự như số đề, người chơi cũng có thể mua của L một hoặc nhiều số có 2 chữ số từ 00 đến 99 nhưng mỗi số sẽ mua theo điểm. Người mua có thể mua không giới hạn điểm cho mỗi số lô, mỗi điểm được quy đổi ra số tiền tương ứng là 23.000đ. Các

số này sau đó được đem ra so sánh với 2 chữ số cuối của tất cả 27 giải được Công ty xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày. Nếu số lô người chơi đã mua trùng với 2 chữ số cuối của một trong 27 giải của kết quả mở thưởng xổ số thì người chơi đó là người thắng cuộc và L phải trả cho người đó số tiền tương ứng với số điểm người đó đã bỏ ra mua số lô đã trúng thưởng là 80.000đ/01 điểm. Nếu số lô người chơi đã mua không trùng với hai chữ số cuối của bất kì giải nào trong 27 giải của kết quả mở thưởng xổ số thì người mua là người thua cuộc và mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua số lô đó cho Loan.

Nga và L thỏa thuận, đối với mỗi số lô, L bán cho khách với giá 23.000đ/01 điểm, khi chuyển cho N thì N sẽ tính cho L với giá là 22.000đ/01 điểm. Đối với số đề, L chiết khấu cho người mua 25% tổng số tiền người đó mua số đề, khi chuyển cho N thì N chiết khấu cho L 28%. Như vậy, L sẽ được hưởng lợi số tiền là 1.000đ/01 điểm và 3% tổng số tiền đề. Sau khi bán các số lô, số đề cho khách, L sẽ dùng số điện thoại 0982.931.954 gọi đến số điện thoại 0978.138.996 của N để đọc cho N các số lô, đề cần chuyển rồi ghi âm lại các cuộc gọi này để làm căn cứ xác định thắng thua. Số tiền thắng thua sẽ được N và L thanh toán với nhau vào ngày hôm sau, khi đã có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trên cơ sở những file ghi âm mà L đã lưu lại.

Khoảng 16 giờ ngày 14/3/2019, khi L đang ở nhà tại khu 2, xã Đ, huyện TT thì có một người tên là H và một người tên là Lê (Loan không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của 02 người này) đến hỏi mua số lô, số đề của L thì L đồng ý. Sau đó, H đưa cho L 02 “cáp đề” mà H đã chuẩn bị trước. Trên 02 “cáp đề” này có ghi nội dung giống nhau là các số lô, số đề mà H muốn mua của L gồm: Bộ số đề đầu lẻ, đít 8 (gồm các số đề 18, 38, 58, 78, 98) là 2.500.000đ; bộ số đề đầu giải dây 49 là 400.000đ. Số tiền thể hiện trên “cáp đề” của H là 2.900.000đ. L giữ lại 01 “cáp đề”, “cáp đề” còn lại thì L ký tên vào đó rồi đưa cho H giữ. Sau khi H thanh toán tiền cho L thì Lê cũng đưa cho L 02 “cáp đề” có nội dung giống nhau mà Lê đã chuẩn bị sẵn. Trên 02 “cáp đề” thể hiện các số lô, số đề mà Lê muốn mua của L gồm: Bộ số đề đầu giải dây 14 là 16.000đ; số đề 91 là 4.000đ; số đề 41 là 2.000đ; Bộ số đề đầu lẻ đít 8 là 20.000đ; Bộ số đề dây 12, dây 13 mỗi dây 16.000đ; Số đề 36 là 25.000đ; Các số đề 96, 96, 46, 62 mỗi số 5.000đ; Các số đề 26, 00, 98, 18, 03, 30 mỗi số 2.000đ; Số lô 17 là 100 điểm, số lô 71 là 200 điểm; Các số lô 89, 98, 37, 73, 01, 10, 36, 56, 65, 77 mỗi số 30 điểm. Tổng số tiền thể hiện trên “cáp đề” của Lê là 13.931.000đ. L giữ lại 01 “cáp đề”, sau đó ký tên vào 01 “cáp đề” rồi đưa lại cho L1, Lê thanh toán tiền cho N và ra về.

Đến 16 giờ 35 phút cùng ngày, Quyết Thị H, sinh năm 1957, ở khu 1 xã Đ, huyện TT gọi điện từ số điện thoại 0988.571.134 đến số điện thoại 0982.931.954 lắp trong chiếc điện thoại Nokia 206 màu đen của L hỏi mua của L các số lô đề gồm gồm: Bộ số đề vương 0 là 54.000đ; Các số đề 60, 30, 23, 32, 73, 37 mỗi số 10.000đ; Các số đề 06, 03, 38, 83 mỗi số 20.000đ. L đã ghi âm cuộc gọi của H trong chiếc điện thoại Nokia 206 tại file ghi âm 000.amr. Số tiền lô, đề tương ứng thể hiện tại file ghi âm này là 194.000đ. Đến 17 giờ 36 phút cùng ngày, Quyết Thị H tiếp tục gọi cho L và mua thêm các số đề ở bộ số số đề vương 3 với số tiền 18.000đ. L cũng ghi âm cuộc gọi này và lưu trong file ghi âm 003.amr. Số tiền mua số đề của L thì H chưa thanh toán cho Loan.

Đến 17 giờ 29 phút ngày cùng ngày, L thấy có cuộc gọi nhớ từ số điện thoại 0962.254.621 của Lê Thị Hoa L1, sinh năm 1978, ở khu 3, xã Đ, huyện Thủy nên đã gọi

lại thì Lê hỏi mua của L các số đề gồm: Các bộ số đề đít 6, đít 7, đít 8 mỗi bộ 800.000đ; Các số đề 66, 67, 68 mỗi số 50.000đ. L đã ghi âm cuộc gọi với Lê vào chiếc điện thoại Nokia 206 của mình tại file ghi âm 002.amr. Số tiền lô, đề tương ứng thể hiện tại file ghi âm 002 này là 2.550.000đ và Lê chưa thanh toán cho Loan.

Đến 17 giờ 43 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972, ở khu 5, xã Đ, huyện TT gọi điện từ số điện thoại 0979.478.268 đến số điện thoại của L để hỏi mua số lô, đề thì L đồng ý. Thu đọc cho L các số lô, số đề gồm số đề 178 là 60.000đ; số đề 49 là 850.000đ; số đề 80 là 300.000đ; các số đề 33, 78 mỗi số 200.000đ. Đến 17 giờ 55 phút, L gọi điện cho Thu để xác nhận lại các số lô, đề Thu đã mua thì Thu mua thêm của L số đề 08 với số tiền 250.000đ. Hai cuộc điện thoại giữa Thu và L được L ghi âm và lưu tại file ghi âm 004.amr và 005.amr. Số tiền lô, đề thể hiện tại 2 file ghi âm này là 1.860.000đ và Thu chưa thanh toán cho Loan.

Sau khi ghi số lô, số đề cho khách, Lê Thị L dùng chiếc điện thoại Nokia 206 bên trong lắp sim số 0982.931.954 của mình gọi điện đến số điện thoại 0978.138.996 lắp trong chiếc điện thoại Iphone 6 màu trắng – vàng của Khuất Thị Thanh N để chuyển bảng số lô, số đề cho N. L gọi cho N 02 cuộc vào lúc 18 giờ 05 phút và 18 giờ 12 phút ngày 14/3/2019 để chuyển cho N các số lô, đề gồm: Số lô 71 là 105 điểm; Số đề 3 số 178 là 60.000đ; Số đề 36 là 2.200.000đ; Các số đề 98, 18, 78 mỗi số 200.000đ; Bộ số lô, đầu lẻ đít 8 là 550.000đ; Bộ số đề đầu 8, đít 8 là 3.000.000đ; Các số đề 48, 84 mỗi số 1.000.000đ; Số đề 38 là 1.500.000đ; Các số đề 18, 58, 78, 98, 49 mỗi số 600.000đ; Số đề đầu giải 91 là 300.000đ; Số đề đầu giải 41 là 100.000đ. Hai cuộc gọi trên đã được L ghi âm lại trong file ghi âm 006.amr và 009.amr. Tổng số tiền tương ứng với các số lô, số đề L đã chuyển cho N trong ngày 14/3/2019 là 15.725.000đ. Các số lô, số đề còn lại tương ứng với số tiền 5.728.000đ, L giữ lại để tự mình thanh toán với khách. Khi L vừa chuyển bảng số lô, số đề cho N xong thì L bị Công an tỉnh PT kiểm tra và lập biên bản vi phạm.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 09 mảnh giấy nhiều hình dạng, kích thước khác nhau, có ghi nhiều chữ và số tại nhà ở của Lê Thị Loan. Qua điều tra xác định, trong số 09 mảnh giấy này có 02 mảnh giấy là 02 “cáp đề” của 02 người tên là H và Lê trong ngày 14/3/2019, 06 mảnh giấy là các “cáp đề” mà L đã bán cho khách qua đường (Loan không nhớ tên tuổi địa chỉ của những người này) trong các ngày 03/3/2019, 10/3/2019, 11/3/2019 và 13/3/2019, 01 mảnh giấy là “cáp đề” không ghi ngày và 01 mảnh giấy nháp. Nội dung thể hiện trên các “cáp đề” này như sau:

Tại “cáp đề” ngày 03/3/2019 thể hiện các số lô, đề gồm: Bộ số đề đầu lẻ đít 8 là 2.500.000đ, 12 số đề (Loan không ghi và cũng không nhớ số cụ thể) là 360.000đ, bộ số đề đầu giải dây 49 là 200.000đ, các số đề 06, 60, 07, 70, 08, 80, 09, 90 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền thể hiện trên “cáp đề” này là 3.460.000đ.

Tại “cáp đề” ngày 10/3/2019 thể hiện các số lô, đề gồm: Bộ số đề đầu giải dây 14 là 8.000đ; Số đề 91 là 4.000đ; Số đề 41 là 2.000đ; Bộ số đề đầu lẻ đít 8 là 20.000đ; 12 số đề (Loan không ghi và cũng không nhớ số cụ thể) là 24.000đ; Số đề 74 là 20.000đ; Số đề 20 là 10.000đ; Các số đề 76, 79, 71, 00, 21 mỗi số 6.000đ; Các số đề 19, 26, 24, 29, 02, 59, 95 mỗi số 3.000đ; Các số lô 16, 62 mỗi số 50 điểm; Các số lô 59, 95, 45, 54, 56, 65, 20, 02, 74 mỗi số 30 điểm. Tổng số tiền thể hiện trên “cáp đề” này là 8.649.000đ.

Tại “cáp đề” ngày 11/3/2019 thể hiện các số lô, đề gồm: Bộ số đề đầu lẻ đít 8 là 2.500.000đ, bộ số đề đầu giải dây 49 là 400.000đ. Tổng số tiền thể hiện trên “cáp đề” này là 2.900.000đ

Tại 02 “cáp đề” ngày 13/3/2019 thể hiện các số lô, đề gồm: Bộ số đề đầu lẻ đít 8 là 2.500.000đ; Bộ số đề đầu giải dây 49 là 400.000đ; Số đề 26, 62 mỗi số là 50.000đ; Bộ số đề đầu giải dây 14 là 8.000đ; Số đề 91 là 4.000đ; Số đề 41 là 2.000đ; Bộ số đề đầu lẻ đít 8 là 20.000đ; Dây 13, dây 49 mỗi dây 16.000đ; Số đề 36 là 25.000đ; Các số đề 99, 98, 78, 86 mỗi số 5.000đ; Các số đề 00, 31, 49, 94 mỗi số 2.000đ; Các số đề 26, 62 mỗi số 10.000đ; Các số lô 45, 54, 59, 95 mỗi số 50 điểm; các số lô 31, 71, 61, 78, 36, 89, 98 mỗi số 30 điểm. Tổng số tiền thể hiện trên “cáp đề” này là 12.569.000đ.

Tại “cáp đề” không ghi ngày tháng thể hiện các số lô, đề gồm: Bộ số đề vương 05 là 360.000đ; Các số đề 00, 55, 19, 91 mỗi số 100.000đ; Các số đề 64, 46, 14 mỗi số 40.000đ; Bộ đề tổng 1 là 500.000đ; Các số đề 29, 92 là 50.000đ; Bộ số đề vương 28 là 720.000đ; số đề 28 là 100.000đ, số đề 82 là 30.000đ, bộ số đề đầu 2 đít 2 là 570.000đ. Tổng số tiền thể hiện trên “cáp đề” này là 2.900.000đ.

Về số tiền Lê Thị L và Khuất Thị Thanh N sử dụng đánh bạc trong vụ án được xác định như sau: Trong ngày 14/3/2019, hành vi đánh bạc của Lê Thị L và Khuất Thị Thanh N bị phát hiện khi chưa có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày nên xác định số tiền L đánh bạc là 21.453.000đồng bao gồm số tiền L đã bán số lô, số đề cho Quyết Thị H, Lê Thị Hoa L1, Nguyễn Thị Thu cùng hai người tên H và Lê trong chiều ngày 14/3/2019. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của Khuất Thị Thanh N là số tiền tương ứng các số lô, số đề L đã chuyển cho N trong ngày 14/3/2019 là 15.620.000đồng. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của Lê Thị L trong những ngày 03/3/2019, 10/3/2019, 11/3/2019 và 13/3/2019 được xác định như sau: Tại “cáp đề” ngày 03/3/2019, qua đối chiếu kết quả xổ số trong ngày xác định không có số lô, số đề nào trúng thưởng, do đó xác định số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của Lê Thị L trong ngày 03/3/2019 là 3.460.000đ; “Cáp đề” ngày 10/3/2019 có số đề 59 trúng thưởng số tiền là 210.000đ, các số lô 59, 95, 74 (mỗi số 30 điểm) trúng thưởng tổng số tiền là 7.200.000đ. Do đó, xác định tổng số tiền L sử dụng vào mục đích đánh bạc trong ngày 10/3/2019 là 16.059.000đ; “Cáp đề” ngày 11/3/2019, qua đối chiếu kết quả xổ số trong ngày xác định không có số lô, số đề nào trúng thưởng, nên xác định số tiền L sử dụng vào mục đích đánh bạc trong ngày 11/3/2019 là 2.900.000đ; “Cáp đề” ngày 13/3/2019 có số đề 62 (60.000đ), số lô 45 (50 điểm), số lô 59 (100 điểm), số lô 61 (30 điểm) trúng thưởng với tổng số tiền là 18.600.000đ. Do đó, xác định số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của Lê Thị L trong ngày 13/3/2019 là 31.169.000đ.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSTT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố các bị cáo Lê Thị Loan, Khuất Thị Thanh N tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36 điểm i, s, p Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị L; Căn cứ khoản 1 Điều 321; Khoản 1, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Khuất Thị Thanh N. Không đề nghị áp dụng tình tiết

tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Loan. Tuyên bố các bị cáo: Lê Thị L và Khuất Thị Thanh N phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TT, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị L; Xử phạt bị cáo Khuất Thị Thanh N từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Các bị cáo, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai, biên bản đối chất thể hiện trong hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Bị cáo Lê Thị L và Khuất Thị Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai nhận tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với nội dung vụ án và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 14/3/2019, tại nhà ở của mình ở khu 2 xã Đ, huyện TT, tỉnh PT, bị cáo Lê Thị L đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề cho Quyết Thị H, sinh năm 1957, ở khu 1, Đ các số đề tương ứng với số tiền 212.000đ (Hai trăm mười hai nghìn đồng); Bán cho Lê Thị Hoa L1, sinh năm 1978, ở khu 3, xã Đ các số đề tương ứng với số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và bán cho Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972, ở khu 5, xã Đ các số đề tương ứng với số tiền 1.860.000đ (Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng); Bán cho hai người khách qua đường tên là H các số đề tương ứng với số tiền là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn) và người tên Lê các số đề tương ứng với số tiền là 13.931.000đ (Mười ba triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng). Tất cả đều được thể hiện trên File ghi âm qua số điện thoại Nokia 206 màu đen lắp sim số 0982.931.954 của bị cáo Loan. Tổng số tiền là 21.453.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn). Sau khi thực hiện hành vi bán số lô, số đề cho các đối tượng trên, L đã gọi điện cho Khuất Thị Thanh N để chuyển bảng lô, đề cho N với số tiền tương ứng là 15.620.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã bị cơ quan Điều tra công an huyện TT phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng số số kiến

thiết miền bắc. Do đó xác định tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc trong ngày 14/3/2019 là 21.453.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn). Trong đó bị cáo L tham gia đánh bạc với số tiền 21.453.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn); Bị cáo N tham gia đánh bạc với số tiền 15.620.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Lê Thị L và Khuất Thị Thanh N đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Có khung hình phạt đến đến 03 năm.”

Ngoài ra, bị cáo L còn tự khai: Trong các ngày 03,10, 11 và 13/3/2019, bị cáo L còn có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề cho các đối tượng qua đường, không rõ tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 30.478.000đ và số tiền trúng thưởng bị cáo L chưa trả cho các đối tượng là 26.010.000đ. Tổng là 56.488.000đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng), Tuy nhiên bị cáo cũng không xác định được cụ thể đánh với ai số tiền bao nhiêu và ai là người trúng thưởng. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TT đã tiến hành điều tra nhưng chưa làm rõ được các đối tượng đã tham gia đánh bạc với bị cáo L vào các ngày trên, nên không có căn cứ xác định việc L thanh toán thắng thua sau khi đánh bạc, do đó chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với bị cáo và các đối tượng, nên cần tách ra khi nào làm rõ xử lý sau, xét thấy phù hợp.

Cáo trạng của VKSND huyện TT truy tố hành vi của các bị cáo theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng, trật tự trị an xã hội, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Do vậy cần phải xét xử nghiêm minh đối với các bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, các bị cáo đều thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N là người có vai trò chính trong vụ án, L đã thuê bị cáo N làm thư ký lô, đề cho mình, bị cáo N là người thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Các đối tượng thỏa thuận bị cáo L sẽ là người trực tiếp đứng ra bán các số lô, số đề cho khách rồi tổng hợp các số lô, số đề đó chuyển cho bị cáo Loan. Do đó HĐXX sẽ căn cứ vào vai trò và nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng:

Đối với các bị cáo Lê Thị L và Khuất Thị Thanh N, là những người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo L là người bị khuyết tật nặng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, nếu không bắt phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, do đó chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo N và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Loan, cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, bị cáo L bị khuyết tật nặng, không còn khả năng lao động, cuộc sống hàng ngày phụ thuộc vào mức trợ cấp xã hội hàng tháng, do đó Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Loan, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo L là người già yếu, bị khuyết tật nặng nên bị cáo không phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, được quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo L không có tài sản riêng có giá trị, mức trợ cấp hàng tháng chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu hàng ngày, nên Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo N, do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho các chủ sở hữu một số tài sản hợp pháp, xét thấy phù hợp nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng:

+ Đối với số tiền 30.622.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) cơ quan Điều tra đã thu giữ (Bao gồm: Của bị cáo L 26.000.000đồng; Quyết Thị H 212.000đồng; Lê Thị Hoa Lê 2.550.000đồng; Nguyễn Thị Thu 1.860.000đồng). Trong đó: 21.453.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn) là số tiền do bị cáo L và các đối tượng H, Lê và Thu sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại của bị cáo L không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo là: 9.169.000đ (Chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 206 màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Thị L; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng - vàng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo N là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động Masstel màu đỏ đen, lắp Sim số 0988.957.134 thu giữ của chị Quyết Thị H, do không xử lý về hình sự đối với H nên trả lại cho Quyết Thị H là phù hợp.

+ Đối với sim số 0982.931.954 thu giữ của bị cáo Loan, sim số 0978.138.996 thu giữ của bị cáo N là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với Quyết Thị H, sinh năm 1957, Lê Thị Hoa L1, sinh năm 1978 Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972, cùng ở xã Đ, huyện TT, là các đối tượng đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số lô, số đề của Lê Thị L vào ngày 14/3/2019. Tuy nhiên, số tiền của từng người sử dụng vào mục đích đánh bạc chưa đến mức xử lý về hình sự, bản thân H, L1, Thu không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc

nên, Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H, Lê và Thu theo quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với 02 người tên H và Lê đã mua số lô, số đề của L trong chiều ngày 14/3/2019 và những người khác đã mua số lô, số đề trong những ngày 03/3/2019, 10/3/2019, 11/3/2019, 13/3/2019, do L không biết tên tuổi, địa chỉ của những người này nên chưa đủ căn cứ làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật, nên cần tách ra khi nào làm rõ xử lý sau, xét thấy phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1956, ở khu 2 xã Đ (chồng của Lê Thị Loan), là người đã ký tên xác nhận vào các “cáp đề” đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh PT thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị Loan. Quá trình điều tra xác định, khi Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của L và thu giữ các “cáp đề” trên thì ông Thắng đã ký tên xác nhận vào đó. Tuy nhiên, ông Thắng không biết việc L đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án

[8] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36 điểm i, s, p Khoản 1 Điều 51; của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị Loan.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Khuất Thị Thanh N.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị L; Khuất Thị Thanh N phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TT, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TT, tỉnh PT giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị Loan.

Xử phạt bị cáo Khuất Thị Thanh N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 21.453.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng). Trong đó: Của bị cáo L 16.831.000đ (Mười sáu triệu tám trăm ba mươi một nghìn đồng); Quyết Thị H 212.000đ (Hai trăm mười hai nghìn đồng); Lê Thị Hoa Lê 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); Nguyễn Thị Thu 1.860.000đ (Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thị L 9.169.000đ (Chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho Quyết Thị H 01 điện thoại di động Masstel màu đen, đỏ, lắp sim số 0988.957.134, số imel 352121082807163, imel2 352121082807171, đã qua sử dụng.

+ Tịch Th, phát mại sung Ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 206 màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị L có số imel 356724050289649, số imel2 356724050289659; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng số imel 356990065062582 đã qua sử dụng của bị cáo N.

+ Tịch thu tiêu huỷ đối với: 01 sim số 0982.931.954 thu giữ của bị cáo Loan, sim số 0978.138.996 thu giữ của bị cáo N.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2019.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị L và bị cáo Khuất Thị Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo Bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Huyện, tỉnh;
- T.H.A.HS, Công an huyện TT;
- UBND xã Đ, huyện TT (TB)
- Chi cục THADS huyện TT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ